



Phần 1: Chọn vào chữ cái đặt trước câu trả lời đúng hoặc làm theo yêu cầu:

Câu 1. Trong một phòng họp có 48 nam và 36 nữ. Phân số chỉ số nữ so với số nam là:

A. $\frac{48}{36}$

B. $\frac{36}{84}$

C. $\frac{36}{48}$

D. $\frac{48}{84}$

Câu 2. Phân số bằng với phân số $\frac{5}{9}$ là:

A. $\frac{10}{9}$

B. $\frac{10}{18}$

C. $\frac{15}{18}$

D. $\frac{18}{10}$

Câu 3. Nối các tính có cùng kết quả:

$$\frac{4}{15} + \frac{20}{15} + \frac{3}{15}$$

$$\frac{5}{12} + \frac{7}{4}$$

$$\frac{3}{12} + \frac{1}{4} + \frac{1}{3}$$

$$\frac{15}{6} - \frac{1}{3}$$

$$1 + \frac{4}{5}$$

$$\frac{16}{12} - \frac{1}{2}$$

Câu 4. Đúng ghi Đ, sai ghi S vào ô trống:

a. $\frac{3}{7} - \frac{2}{7} = \frac{3+2}{7} = \frac{5}{7}$ ☐

b. $\frac{3}{7} + \frac{2}{7} = \frac{3+2}{7} = \frac{5}{7}$ ☐

c. $\frac{3}{5} + \frac{2}{3} = \frac{9}{15} + \frac{10}{15} = \frac{19}{15}$ ☐

d. $\frac{3}{5} - \frac{1}{3} = \frac{9}{15} - \frac{5}{15} = \frac{4}{15}$ ☐

Câu 5. Điền dấu (<, =, >) thích hợp vào ô trống:

a. $\frac{1}{2} + \frac{5}{7}$ ☐ $\frac{5}{7} + \frac{1}{14}$

b. $\frac{1}{4} + \frac{3}{4}$ ☐ $\frac{3}{4} - \frac{1}{2}$

c. $\frac{5 \times 6 \times 7}{10 \times 6 \times 3}$ ☐ $\frac{42}{36}$

d. $\frac{7}{24}$ ☐ $\frac{5}{12}$



Phần 2. Giải các bài toán sau:

Bài 1: Tính: (kết quả cuối cùng ở dạng phân số tối giản)

$$\frac{11}{36} + \frac{1}{3} = \text{---} + \text{---} = \text{---}$$

$$\frac{6}{7} - \frac{5}{8} = \text{---} - \text{---} = \text{---}$$

$$\frac{14}{4} - \frac{5}{6} - \frac{1}{4} = \text{---} - \text{---} - \text{---} = \text{---}$$

$$\frac{2}{3} + \frac{9}{7} - \frac{5}{21} = \text{---} + \text{---} - \text{---} = \text{---} = \text{---}$$

Bài 2. Học sinh cấp Tiểu học của Trường Greenfield cùng tham gia trồng một số cây. Khối 5 trồng được $\frac{2}{5}$ số cây, khối 4 trồng được ít hơn khối 5 là $\frac{1}{7}$ số cây, số cây còn lại là khối 1, 2, 3 trồng. Hỏi khối 1, 2, 3 trồng được bao nhiêu phần của số cây cả trường?

Bài giải

Đáp số: ---

